

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP:

Tên doanh nghiệp (DN) : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- Tên DN bằng Tiếng Việt : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO
- Tên DN bằng Tiếng Anh : IDICO Srok Phu Mieng Hydropower Joint Stock Company
- Tên DN viết tắt : IDICO - SHP
Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Long Bình 7, xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại : 0271 3731 400.
Mã số doanh nghiệp : 3800407449.
Mã chứng khoán : ISH.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI:

Thời gian : 09h00' ngày 22/4/2026.
Địa điểm : Thôn Long Bình 7, xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
Hình thức họp : Đại hội trực tiếp.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Hội đồng quản trị (“HĐQT”);
- Ban kiểm soát (“BKS”);
- Ban Giám đốc;
- Các Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 25/3/2026).

IV. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Ông Đoàn Hữu Nghĩa - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO khai mạc lúc 09h00' ngày 22/4/2026.

Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 25/3/2026 (362 cổ đông), sở hữu 45.000.000 cổ phần tương đương với 100% quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Cổ đông tham dự Đại hội: 37 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 38.829.023 cổ phần, chiếm 86,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

V. CƠ CẤU NHÂN SỰ ĐOÀN CHỦ TỊCH VÀ CÁC TỔ GIÚP VIỆC TẠI ĐẠI HỘI:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội đã được ĐHĐCĐ giới thiệu và thông qua tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch:

- Ông Nguyễn Văn Thịnh : Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội;
- Ông Nguyễn Phong Danh : Thành viên HĐQT;
- Ông Trương Thanh Bình : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.

Nhân sự Đoàn Chủ tịch đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Chủ tọa cử Ban Thư ký:

- Bà Vũ Thị Thúy : Kế toán trưởng kiêm Thư ký Công ty;
- Ông Nguyễn Văn Thế Bảo : Trợ lý Hội đồng quản trị.

3. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

- Ông Đoàn Hữu Nghĩa : Trưởng Ban kiểm soát - Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt : Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên;
- Bà Nguyễn Thùy Linh : Trưởng Phòng Tổng hợp - Thành viên.

Nhân sự Ban kiểm phiếu đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VI. TÓM TẮT DIỄN BIẾN CUỘC HỌP VÀ Ý KIẾN PHÁT BIỂU TẠI CUỘC HỌP:

*** Phát biểu khai mạc Đại hội:**

Ông Nguyễn Văn Thịnh - Chủ tọa phát biểu khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

1. Thông qua chương trình làm việc của Đại hội:

Chương trình Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội:

Quy chế làm việc của Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Đại hội nghe trình bày nội dung các báo cáo và tờ trình:

- Báo cáo:

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư năm 2025 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2026;

+ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026;

+ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

- Tờ trình:

+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

- + Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
 - + Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2026;
 - + Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
 - + Tờ trình thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
 - + Tờ trình Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;
 - + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- (Các Báo cáo và Tờ trình đính kèm).

4. Thảo luận tại Đại hội:

Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội. Cổ đông thống nhất cao với nội dung các báo cáo và các tờ trình đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

VII. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Sau khi xem xét các nội dung tại Đại hội và thảo luận các vấn đề liên quan, trên cơ sở kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội bằng hình thức trực tiếp đối với các nội dung, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã nhất trí thông qua các nội dung, cụ thể như sau:

Tại thời điểm bỏ phiếu, có 37 cổ đông tham gia, đại diện cho 38.829.023 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỷ lệ 86,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:

- Tổng số phiếu hợp lệ là 14, đại diện cho 38.829.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ là 0, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2025 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2026:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % TH2025/ KH2025	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	218	251	234	115%	93%
2	Sản lượng nước sạch	m3	787.440	728.792	733.120	93%	101%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	196.040	221.373	209.600	113%	95%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	91.094	105.497	101.208	116%	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72.727	84.247	80.876	116%	96%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	25%	20%	125%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	8.500	0	5.500		

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4. Thông qua các Tờ trình:

4.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.2. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 14/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.5. Thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo nội dung Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
--------------------	------------------------	---

Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.6. Thông qua việc Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo nội dung Tờ trình số 18/TTr-HDQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.7. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty theo nội dung Tờ trình số 19/TTr-HDQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.8. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 20/TTr-HĐQT ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

4.9. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 21/TTr-BKS ngày 31/3/2026:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.829.023 cổ phần (tương đương với 38.829.023 số phiếu biểu quyết), trong đó:

Số phiếu tán thành	Số cổ phần: 38.829.023	Tương đương 100% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không tán thành	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không có ý kiến	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
Số phiếu không hợp lệ	Số cổ phần: 0	Tương đương 0% tính trên Tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại kỳ Đại hội này đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản đọc công khai tại Đại hội và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua với số cổ phần tán thành là 38.829.023 cổ phần, đạt 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được lập thành văn bản công bố toàn văn trên website của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (www.idico-shp.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

1. Bà Vũ Thị Thúy:

2. Ông Nguyễn Văn Thế Bảo:



Nguyễn Văn Thịnh

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO (“Công ty”);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO ngày 22/4/2026, được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện ủy quyền có mặt tham dự tại Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo được trình bày tại Đại hội gồm:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư năm 2025 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2026:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % TH2025/ KH2025	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	218	251	234	115%	93%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	787.440	728.792	733.120	93%	101%



TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % TH2025/ KH2025	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	196.040	221.373	209.600	113%	95%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	91.094	105.497	101.208	116%	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72.727	84.247	80.876	116%	96%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	25%	20%	125%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	8.500	0	5.500		

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Điều 2. Đại hội thông qua các Tờ trình do HĐQT và BKS trình Đại hội, gồm:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

2. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

3. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH2026/ TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	251	234	93%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	728.792	733.120	101%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	221.373	209.600	95%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	105.497	101.208	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	84.247	80.876	96%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	25%	20%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	0	5.500	

4. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

- Phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	137.624.629.407
	Tính đến cuối năm trước (năm 2024)	53.377.225.679
	Năm nay	84.247.403.728

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025
II	Phân phối lợi nhuận năm 2025	
1	Trích quỹ	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%/LNST):	2.520.000.000
2	Chi trả cổ tức năm 2025	
	Bằng tiền (25%/Vốn điều lệ):	112.500.000.000
	+ Đã tạm ứng (10% Vốn điều lệ):	45.000.000.000
	+ Số còn được chia (15% Vốn điều lệ):	67.500.000.000
	Bằng cổ phiếu	0
III	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	22.604.629.407

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026
I	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	22.604.629.407
II	Lợi nhuận sau thuế năm nay	80.876.000.000
III	Phân phối lợi nhuận năm 2026	
1	Trích quỹ	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%/LNST năm 2026)	2.420.000.000
2	Chi trả cổ tức năm 2026	
	Chi cổ tức Bằng tiền (20%/Vốn điều lệ):	90.000.000.000
IV	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	11.060.629.407

5. Tờ trình thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026:

5.1. Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 là **1.147.000.000 đồng** (Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2025 là 1.175.000.000 đồng):

Trong đó: - Hội đồng quản trị: 848.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát: 299.000.000 đồng.

5.2. Kế hoạch Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026 (áp dụng từ tháng 01 đến hết tháng 12 năm 2026) là: **1.242.000.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị Công ty là: **943.000.000 đồng**. Mức chi từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát Công ty là: **299.000.000 đồng**. Mức chi từng thành viên do Ban kiểm soát quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo chi phí thực tế phát sinh và Quy định các khoản chi tiêu nội bộ của Công ty.

6. Thông qua việc Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO:

6.1. Thông qua việc Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh (KD) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO như sau:

Nội dung thay đổi	Ngành, nghề KD hiện tại		Ngành, nghề KD sau khi sửa đổi, bổ sung	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1. Thay đổi mã ngành thành 3512: Sửa đổi nội dung các ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam.	Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Nhiệt điện than, Nhiệt điện khí, Điện gió, Điện mặt trời, Điện khác</i>	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</i>	3512
2. Thay đổi mã ngành thành 3513: Sửa đổi nội dung các ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3512	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3513
3. Bổ sung mã ngành 7740: Bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.			Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính <i>Chi tiết: Kinh doanh Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</i>	7740

Nội dung thay đổi	Ngành, nghề KD hiện tại		Ngành, nghề KD sau khi sửa đổi, bổ sung	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
4. Bổ sung mã ngành 4679: Bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.			Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Mua, bán tín chỉ giảm phát thải khí nhà kính</i>	4679

6.2. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

7. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Quy chế quản trị”) sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị hiện hành.

8. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (“Quy chế HĐQT”) Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế HĐQT hiện hành.

9. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (“Quy chế BKS”) Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế BKS hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO giao Hội đồng quản trị triển khai, giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua tại kỳ Đại hội này nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này gồm 06 trang, được lập và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ngày 22/4/2026 với 38.829.023 cổ phần biểu quyết tán thành chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số 38.829.023 cổ phần

tham gia biểu quyết và được đăng tải trên website: www.idico-shp.vn để các cổ đông và Nhà đầu tư tìm hiểu thông tin.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Website Công ty);
- UBCKNN;
- SGDCK Hà Nội;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Thịnh





CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Ngày 22 tháng 4 năm 2026

Thời gian	Nội dung
08h00' - 09h00'	I. Đăng ký danh sách cổ đông
09h00' - 09h30'	II. Khai mạc Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do;- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;- Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu;- Thông qua Chương trình Đại hội;- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.
09h30' - 12h00'	III. Chương trình Đại hội <ol style="list-style-type: none">1. Thông qua các báo cáo:<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư năm 2025 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2026;- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2025 và kế hoạch năm 2026;- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2025 và kế hoạch năm 2026.2. Thông qua các tờ trình:<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026;- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026;- Tờ trình thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;- Tờ trình Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT);- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).- Các nội dung phát sinh khác (nếu có).3. Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội
	IV. Giải lao
	V. Công bố kết quả biểu quyết
	VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
12h00'	VII. Bế mạc Đại hội

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2024.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc của Đại hội như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được tổ chức ngày 22/4/2026.

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/3/2026 và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- | | |
|------------|---|
| - Công ty | : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO. |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị. |
| - BKS | : Ban kiểm soát. |
| - BTC | : Ban tổ chức. |
| - ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông. |
| - Đại hội | : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. |
| - Đại biểu | : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền). |

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, và có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 4. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

1. Tất cả cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ngày 25/3/2026).

2. Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu.

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

- Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

- Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Ăn mặc lịch sự.

- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch.

- Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 5. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 6. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch gồm ba (03) người, bao gồm Chủ tọa và hai (02) thành viên.

2. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội hoặc Chủ tịch HĐQT ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa Đại hội, đề cử thành viên Đoàn Chủ tịch và được Đại hội biểu quyết thông qua.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ sẽ điều hành để Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa Đại hội.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua;

- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;

- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;

+ Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;

+ Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội;

+ Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội;

+ Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm một (01) Trưởng ban và bốn (04) thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT quyết định.

2. Nhiệm vụ:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông, người được ủy quyền tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Căn cước công dân/Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

- Phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết và các tài liệu Đại hội cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp.

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

+ Trước khi khai mạc Đại hội.

+ Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (cổ đông đến muộn được đăng ký dự họp).

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội:

1. Ban Thư ký Đại hội gồm hai (02) người chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch. Ban Thư ký do Chủ tọa chỉ định.

2. Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch.
- Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm phiếu (Biểu quyết)

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội bầu bao gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên.

2. Nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho ĐHĐCĐ.
- Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội.
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch.
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- Nội dung đề xuất không vi phạm pháp luật, không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc không vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp.
- Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau thông qua email hoặc trực tiếp bằng văn bản.

Điều 11. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

Thẻ biểu quyết (*màu hồng*), Phiếu biểu quyết (*màu trắng*) được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội (*kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ*). Mỗi Đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ họ và tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của Đại biểu đó.

2. Biểu quyết tại Đại hội:

2.1. Hình thức biểu quyết:

2.1.1. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Hình thức này được áp dụng để thông qua các vấn đề:

- + Chương trình Đại hội;
- + Quy chế làm việc tại Đại hội;
- + Nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu;
- + Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2.1.2. Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:

- Hình thức này được áp dụng để thông qua nội dung các Báo cáo, các Tờ trình tại Đại hội, cụ thể:

- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026;
- + Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- + Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- + Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- + Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- + Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026;
- + Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- + Tờ trình thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

+ Tờ trình Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;
- + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền biểu quyết được lấy ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình theo sự điều hành của Đoàn chủ tịch.

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một (01) trong ba (03) phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào ô mình chọn.

Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.

2.3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là:

+ Phiếu biểu quyết theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định và phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.

+ Nội dung biểu quyết (*Báo cáo, Tờ trình*) được Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là:

+ Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định, phiếu không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của Đại biểu.

+ Nội dung biểu quyết (*Báo cáo, Tờ trình*): Đại biểu không đánh dấu hoặc đánh dấu chọn hơn một (01) trong ba (03) ô biểu quyết.

2.4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ một (01) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 25/3/2026), tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 45.000.000 cổ phần tương đương với 45.000.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành; đối với trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty (*nội dung biểu quyết làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi*) thì nội dung đó được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Đoàn Chủ tịch kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung Chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Thi hành Quy chế

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thịnh

C.T.C.P

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025.

Ban giám đốc công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2025

Năm 2025, tình hình mưa-bão-lũ diễn biến phức tạp và khó lường. Mưa-bão diễn ra dồn dập, cực đoan, phá vỡ nhiều kỷ lục lịch sử (với 15 cơn bão, 06 ATNĐ) và ảnh hưởng lớn đến nhiều khu vực của Việt Nam. Tuy nhiên đối với lưu vực Sông Bé lại ít bị ảnh hưởng, thủy văn thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) điện năng của Công ty đây là các yếu tố giúp Công ty vượt kế hoạch SXKD năm 2025.

Chi tiết kết quả hoạt động SXKD các lĩnh vực năm 2025 của Công ty như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu đã thực hiện năm 2025

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %	
					TH năm 2025 so với KH 2025	cùng kỳ 2024
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	218	251	115%	113%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	787.440	728.792	93%	94%
3	Tổng doanh thu và Thu nhập khác	Tr.đồng	196.040	221.373	113%	111%
	Trong đó:					
	- Hoạt động SXKD	Tr.đồng	194.470	217.997	112%	110%
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	1.000	2.863	286%	294%
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	570	513	90%	88%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	91.094	105.497	116%	112%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72.727	84.247	116%	111%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	20%	25%	125%	125%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	8.500	-	-	-

2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh

2.1. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng

- Năm 2025, bên cạnh những thuận lợi giúp hoạt động SXKD điện năng vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, hoạt động SXKD điện năng cũng gặp những khó khăn nhất định, cụ thể như sau:

+ Thuận lợi:

- ✓ Lưu lượng nước về hồ là 170 m³/s cao hơn thiết kế (so với cùng kỳ năm 2024 là 165 m³/s), các tháng mùa mưa lưu lượng nước về hồ tương đối đồng đều và kéo dài tới tháng 11/2025, lưu lượng xả tràn ít hơn các năm trước đây, đây là yếu tố thuận lợi giúp tăng sản lượng, doanh thu điện cho Công ty.
- ✓ Công tác quản lý kỹ thuật tiếp tục được coi trọng, các hệ thống thiết bị Nhà máy hoạt động ổn định.
- ✓ Công tác điều tiết hồ chứa hợp lý, tăng cường chạy máy giờ cao điểm, giá bán điện bình quân tăng 5% so với Hợp đồng (675/643,08 đồng/kWh-chưa bao gồm thuế phí).
- ✓ Công ty tiếp tục chủ động kiểm soát và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

+ Khó khăn:

- ✓ Giá thị trường điện năm 2025 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2024, đã ảnh hưởng đến doanh thu và giá bán điện của Công ty (giá bán điện bình quân chưa bao gồm thuế, phí là 675 đồng/kWh, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước (675/701 đồng/kWh); lãi thị trường điện năm 2025 là 253 triệu đồng, giảm 2.940 triệu đồng so với cùng kỳ 2024).
- ✓ Các hệ thống thiết bị sau nhiều năm vận hành, cần nhiều thời gian sửa chữa, bảo dưỡng.

- Các chỉ tiêu hoạt động SXKD điện như sau:

- + Sản lượng điện thương phẩm đạt 115% kế hoạch năm, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.
- + Doanh thu đạt 113% kế hoạch năm, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.
- + Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 124% kế hoạch năm, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước; chỉ tiêu LNST/doanh thu đạt 41%.

2.2. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước sạch

- Năm 2025, việc cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước không thực hiện do khách hàng không bàn giao, việc phát triển phụ tải gặp khó khăn do Nhà máy nước chưa được ghi nhận trong quy hoạch tỉnh, trong khi Nhà máy nước chỉ mới khai thác được 50% công suất thiết kế, làm giảm hiệu quả của nhà máy.

- Khách hàng sử dụng nước tiếp tục tiết kiệm chi phí, giảm sử dụng nước nên các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu nước sạch năm 2025 không đạt kế hoạch đề ra. Công ty đã tiết giảm chi phí nên lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra và tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sạch đạt 93% kế hoạch năm, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu đạt 94% kế hoạch năm, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 104% kế hoạch năm, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước; chỉ tiêu LNST/doanh thu đạt 29%.

3. Tình hình thực hiện công tác tài chính

3.1. Phải thu và phải trả

- Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

+ Tổng nợ phải thu là 46.488 triệu đồng:

Chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng đối với tiền điện, tiền nước sạch chưa đến kỳ thanh toán.

+ Tổng nợ phải trả là 60.990 triệu đồng:

Chủ yếu là khoản phải trả Ngân hàng, nộp ngân sách nhà nước (NSNN), cổ tức.

+ Các khoản công nợ đều được đối chiếu, kiểm tra. Hiện tại, IDICO-SHP không có công nợ phải thu khó đòi và nợ mất khả năng thanh toán.

- Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, chủ động lập kế hoạch dòng tiền đảm bảo cân đối đủ nguồn tiền trả nợ ngân hàng, thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN, chi trả chi phí phục vụ SXKD và chi trả cổ tức cho các cổ đông.

3.2. Về tình hình chi trả cổ tức

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: với tỷ lệ 10%/cổ phiếu, ngày chi trả là 30/6/2025.

+ Đợt 2: chi trả cổ tức còn lại năm tài chính 2024 với tỷ lệ 10%/cổ phiếu, ngày chi trả là 25/9/2025.

3.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng và dưới một (01) năm và hưởng lãi suất thị trường.

Trên cơ sở cân đối dòng tiền hằng tháng của Công ty, nguồn tiền chưa sử dụng được đơn vị cân đối gửi tiết kiệm với kỳ hạn phù hợp, lựa chọn gửi tại các ngân hàng có mức lãi suất cao, góp phần nâng cao hiệu quả tài chính cho Công ty.

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng

3004
CÔNG
PHÂN TH
ĐK PHU
IDICO
ĐỒNG

4.1. Tình hình triển khai đầu tư xây dựng tuyến ống phục vụ cấp nước

Hạng mục Cải tạo tuyến ống cung cấp nước hiện hữu Nhà máy nước Bình Phước-IDICO lên công suất 5.000m³/ngày (*công tác chuẩn bị*) chưa thực hiện được do Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt việc bàn giao đường ống hiện hữu cho Công ty IDICO-SHP.

4.2. Bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời khu vực công trình thủy điện Srok Phu Miêng

Việc bổ sung quy hoạch các dự án Điện mặt trời như sau:

- Dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng 49MWp (*đầu nối 110kV*): dự án đã được đưa vào quy hoạch tỉnh Bình Phước theo Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng chính phủ, đã được UBND tỉnh Bình Phước ghi nhận đưa vào quy hoạch giai đoạn 2025-2030 và báo cáo Bộ Công Thương theo văn bản 1059/UBND-TH ngày 12/3/2025 để đưa vào quy hoạch điện VIII. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

- Dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng 2 công suất 125MWp (*đầu nối 220kV*): đã được đưa vào quy hoạch giai đoạn 2031-2035 theo Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (*Quy hoạch điện VIII*).

- Dự án điện mặt trời Srok Phu Miêng 3 công suất 400MWp (*đầu nối 220kV*): chưa được đưa vào quy hoạch điện VIII.

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đang rà soát cập nhật thông tin quy hoạch sau khi sát nhập 2 tỉnh (*Đồng Nai - Bình Phước*).

5. Tình hình tổ chức, nhân sự

- Năm 2025, Công ty áp dụng thang bảng lương mới, thu nhập của người lao động được chi trả theo vị trí công tác và hiệu quả công việc (*KPI*).

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2025 là 56 người (*so với đầu năm 2025, tổng số lao động giảm 02 người*).

6. Công tác khác

- Năm 2025, Công ty tiếp tục rà soát các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và đã ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều Quy chế, quy định nội bộ như: Quy chế công bố thông tin, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp quản lý đầu tư xây dựng, Quy trình thanh toán, Quy chế lựa chọn nhà thầu, Quy trình khóa sổ và lập Báo cáo tài chính, ...

- Hoàn thiện Hệ thống đo đếm nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng: sau một thời gian dài làm việc với các bên, ngày 20/3/2025 Công ty Mua bán điện, Công ty Truyền tải điện 4 và Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã ký Thỏa thuận TKKT Hệ thống đo đếm điện năng gồm: 01 đo đếm chính, 01 đo đếm dự

phòng 1 đặt tại TBA 220kV Bình Long (đã được nghiệm thu vào tháng 4/2025) và 01 đo đếm dự phòng 2 đặt tại Nhà máy điện (đã được lắp đặt và nghiệm thu trong tháng 3/2026).

- Sửa chữa, cải tạo Hệ thống điều khiển giám sát nhà máy (DCS): đã hoàn thành việc tìm hiểu và lập phương án sửa chữa, cải tạo. Công ty đang triển khai mua sắm thiết bị.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2026

Bước sang năm 2026, bên cạnh thừa hưởng lượng nước dồi dào cuối năm 2025, giá công suất (CAN) bình quân cao hơn năm 2025, nguồn thủy điện sẽ được huy động cao hơn so với các nguồn nhiệt điện (than, dầu, khí, khí hóa lỏng LNG) do đang khó khăn bởi ảnh hưởng chiến tranh Trung Đông, Công ty cũng đối diện với những khó khăn: khí tượng thủy văn đang trong trạng thái Enso (trung tính) và có khả năng chuyển sang trạng thái Elnino (hạn) vào cuối năm 2026, việc tăng sản lượng cấp nước sạch khó khăn.

Với tinh thần phấn đấu cao, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch năm 2026

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026 /TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	251	234	93%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	728.792	733.120	101%
3	Tổng doanh thu và Thu nhập khác	Tr.đồng	221.373	209.600	95%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Hoạt động SXKD	Tr.đồng	217.997	206.465	95%
	+ Điện năng	Tr.đồng	209.084	197.640	95%
	+ Nước sạch	Tr.đồng	8.026	7.939	99%
	+ Cao su	Tr.đồng	886	886	100%
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	2.863	3.135	109%
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	513	-	-
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	105.497	101.208	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	84.247	80.876	96%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	25%	20%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	-	5.500	

(* Đối với công tác đầu tư: Giá trị đầu tư chỉ bố trí cho công việc chuẩn bị đầu tư).

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Đảm bảo tối đa lợi ích các Cổ đông, ổn định thu nhập của người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Ổn định hoạt động SXKD điện và nước sạch trên cơ sở máy móc thiết bị hiện có, đảm bảo hoạt động SXKD chính của Công ty an toàn và hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai cải tạo sửa chữa hệ thống điều khiển giám sát (DCS) Nhà máy điện theo kế hoạch đề ra.

- Đảm bảo công tác quản lý tài chính của Công ty tuân thủ theo đúng quy định hiện hành đồng thời mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty; quản lý chi phí hoạt động SXKD và quản lý dòng tiền hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

- Tiếp tục theo dõi công tác quy hoạch dự án điện mặt trời, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng công suất 49 MWp sau khi dự án được cập nhật đưa vào quy hoạch điện của tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục theo dõi công tác bổ sung quy hoạch Nhà máy nước, tìm kiếm và đánh giá nhu cầu sử dụng nước sạch trong khu vực để có phương án đầu tư, cung cấp nước sạch phù hợp.

3. Các giải pháp thực hiện

- Ổn định hoạt động SXKD điện và nước sạch trên cơ sở máy móc thiết bị hiện có, đảm bảo hoạt động SXKD chính của Công ty an toàn và đạt hiệu quả:

- + Tiếp tục tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, theo dõi và phát hiện sớm những dấu hiệu hỏng hóc.

- + Điều tiết hồ chứa hợp lý, tăng cường chạy máy giờ cao điểm.

- + Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các tổ máy.

- + Xử lý nhanh các tình huống sự cố hoặc hư hỏng thiết bị, hạn chế đến mức thấp nhất số giờ dừng máy do sự cố.

- Tập trung lực lượng cán bộ kỹ thuật có chuyên môn thực hiện cải tạo sửa chữa Hệ thống điều khiển giám sát (DCS) Nhà máy điện đạt chất lượng.

- Thường xuyên rà soát, quản lý chi phí, giá thành nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- Thực hiện các giải pháp tài chính phù hợp, mang lại hiệu quả sử dụng vốn cao nhất, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD và chi trả cổ tức cho các Cổ đông theo kế hoạch.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung (nếu có) các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý và hoạt động.

- Đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý.

4. Công tác tài chính

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026.

- Quản lý dòng tiền hiệu quả, tiếp tục thường xuyên lập kế hoạch cân đối dòng

tiền đảm bảo trả nợ đúng hạn cho các Ngân hàng, cổ tức cho cổ đông, nộp NSNN và phục vụ tốt cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Thực hiện tạm ứng cổ tức của năm tài chính 2025 cho các Cổ đông theo Nghị quyết của HĐQT Công ty và chi trả cổ tức còn lại năm tài chính 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thường xuyên kiểm tra đối chiếu, thu hồi công nợ, đảm bảo duy trì Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ quá hạn mất khả năng thanh toán.

- Tiếp tục chủ động kiểm soát và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

5. Công tác đầu tư xây dựng

- Tiếp tục theo dõi công tác quy hoạch dự án điện mặt trời, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng công suất 49 MWp sau khi dự án được cập nhật đưa vào quy hoạch điện của tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục theo dõi công tác bổ sung quy hoạch Nhà máy nước, tìm kiếm và đánh giá nhu cầu sử dụng nước sạch trong khu vực để có phương án đầu tư, cung cấp nước sạch phù hợp.

6. Công tác tổ chức, nhân sự

- Ổn định tổ chức nhân sự sau sắp xếp, đảm bảo đủ các nguồn lực cần thiết để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2025 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận: 

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

GIÁM ĐỐC



Trương Thanh Bình

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO (“Công ty/IDICO-SHP”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong Ban điều hành, Công ty không có thành viên HĐQT độc lập, cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thịnh | - Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Bà Trần Thùy Giang | - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 22/4/2025); |
| 3. Ông Trương Thanh Bình | - Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm 22/4/2025) - Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Quốc Việt | - Thành viên HĐQT; |
| 5. Ông Nguyễn Phong Danh | - Thành viên HĐQT; |
| 6. Ông Mai Đình Nhật | - Thành viên HĐQT. |

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo chế độ tập thể, mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách cụ thể. Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được đưa ra thảo luận tập thể và thể hiện tại Biên bản các kỳ họp hoặc Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 07 lần họp trực tiếp và 17 lần qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Số lần họp HĐQT	07	
2	Số lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	17	
3	Số lượng Nghị quyết/Quyết định ban hành	25	

Các quyết định của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ

đồng thông qua.

2. Quản lý, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 với các nội dung chính như sau:

- Chi trả cổ tức năm 2024: Tỷ lệ chi trả cổ tức là 20% vốn điều lệ.

- Kế hoạch năm 2025:

- + Sản lượng điện : 218 triệu kWh.
- + Sản lượng nước sạch : 787.440 m³.
- + Tổng doanh thu và Thu nhập khác : 196.040 triệu đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế : 91.094 triệu đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế : 72.727 triệu đồng.
- + Tỷ lệ chia cổ tức : 20% vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để triển khai và chỉ đạo thực hiện, kết quả như sau:

2.1. Công tác sản xuất kinh doanh

Năm 2025, tình hình mưa-bão-lũ diễn biến phức tạp và khó lường. Mưa-bão-lũ diễn ra dồn dập, cục đoạn, phá vỡ nhiều kỷ lục lịch sử (với 15 cơn bão, 06 ATNĐ) và ảnh hưởng lớn đến nhiều khu vực của Việt Nam.

Năm 2025, IDICO-SHP cũng đối diện với nhiều thách thức:

- Các tháng mùa khô đầu năm: nắng nóng gay gắt, lưu lượng nước về trung bình 70 m³/s, so với cùng kỳ năm 2024 là 77 m³/s thì thấp hơn.

- Tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng (tỷ lệ *alpha*) tiếp tục áp dụng đối với các Nhà máy thủy điện là 98%, Giá thị trường điện năm 2025 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2024.

- Khách hàng sử dụng nước tiếp tục tiết giảm chi phí, sử dụng nước ít hơn so với các năm trước đây.

Trước những khó khăn trên, HĐQT Công ty đã định hướng, quyết định nhanh những vấn đề phát sinh, chỉ đạo Ban điều hành triển khai có trọng tâm các giải pháp, vận hành hợp lý, tận dụng tối đa nguồn nước, phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ SXKD năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả SXKD năm 2025 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH năm 2025 so với	
						KH năm 2025	Cùng kỳ năm 2024
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	218	251	222	115%	113%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	787.440	728.792	778.432	93%	94%

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH năm 2025 so với	
						KH năm 2025	Cùng kỳ năm 2024
3	Tổng doanh thu và Thu nhập khác	Tr.đồng	196.040	221.373	199.893	113%	111%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	91.094	105.497	94.378	116%	112%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72.727	84.247	76.193	116%	111%
6	Cổ tức/VĐL trình HĐQT	%	20%	25%	20%	125%	125%

2.2. Công tác tổ chức, nhân sự

- Nhằm mục tiêu tinh gọn bộ máy, HĐQT đã chỉ đạo Công ty hoàn thành công tác tổ chức bộ máy, cơ cấu lại lao động, định biên nhân sự, xây dựng thang bảng lương và xác định quỹ tiền lương mới để bắt đầu áp dụng từ ngày 01/01/2025. Năm 2025, thu nhập của người lao động được chi trả theo vị trí công tác và hiệu quả công việc (KPI).

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2025 là 56 người (so với đầu năm 2025, tổng số lao động giảm 02 người).

2.3. Công tác tài chính

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện các giải pháp tài chính phù hợp, mang lại hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả sử dụng nguồn tiền, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD và chi trả cổ tức cho các Cổ đông theo kế hoạch. Đồng thời, thực hiện nhiều giải pháp nhằm kiểm soát, tiết giảm chi phí SXKD, góp phần giúp tăng lợi nhuận cho Công ty (lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 116% kế hoạch).

- Về tình hình công nợ: Hiện nay IDICO-SHP không có công nợ phải thu khó đòi và nợ quá hạn mất khả năng thanh toán.

- Tình hình chi trả cổ tức năm 2024: Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông với tỷ lệ chi trả là 20% vốn điều lệ.

2.4. Công tác quản trị nội bộ

HQĐT đã chỉ đạo Công ty rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty để HĐQT xem xét ban hành áp dụng trong Công ty như: ban hành Quy chế công bố thông tin, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp quản lý đầu tư xây dựng, Quy trình thanh toán, Quy chế lựa chọn nhà thầu.

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

3.1. Về hình thức giám sát

Theo quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động đối với Giám đốc và người điều hành khác thông qua các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết,

Quyết định, các quy chế quản lý nội bộ và các văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3.2. Về kết quả giám sát đối với Giám đốc và người điều hành khác

- Trong năm 2025, Giám đốc và người điều hành khác (Ban điều hành) Công ty đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban điều hành đã nỗ lực trong công tác tổ chức và điều hành hoạt động SXKD của Công ty, để tối ưu hóa doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

- Ban điều hành thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời, phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành luôn tuân thủ các quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

Kết quả SXKD năm 2025 với lợi nhuận sau thuế 84.247 triệu đồng, bằng 116% kế hoạch, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

4. Thù lao, chi phí và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT được báo cáo, công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Các thông tin, số liệu cụ thể được trình bày chi tiết trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2025. Quý cổ đông vui lòng xem cụ thể tại các Báo cáo này được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo đường dẫn: <https://idico-shp.vn/chuyen-muc/42.Quan-he-co-dong.html>.

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị: Công ty không có thành viên HĐQT độc lập.

6. Kết quả đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty, đồng thời đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) năm 2025, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc hợp định kỳ, đánh giá tình hình theo quý hoặc đột xuất theo yêu cầu SXKD và ban hành các Nghị quyết, Quyết định cụ thể thuộc thẩm quyền đề định hướng Ban điều hành triển khai thực hiện mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT định kỳ, đột xuất, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tuân thủ theo đúng thể thức quy định trong Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định dựa trên sự thống nhất thông qua của các thành viên HĐQT, phù hợp với Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và pháp luật hiện hành.

- Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và chuyên môn nên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên HĐQT đều nỗ lực quản trị doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, luôn hành động vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của doanh nghiệp.

7. Báo cáo về các giao dịch liên quan

- Giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: không có.

- Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có.

8. Công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư

- Việc công bố thông tin của Công ty luôn được đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

- Các kênh tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ cổ đông/nhà đầu tư (*điện thoại, email, trực tiếp, ...*) được duy trì thường xuyên nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông/nhà đầu tư được kịp thời, chính xác nhất.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026 với một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026/TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	251	234	93%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	728.792	733.120	101%
3	Tổng doanh thu và Thu nhập khác	Tr.đồng	221.373	209.600	95%

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026/TH2025
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	105.497	101.208	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	84.247	80.876	96%
6	Cổ tức/VĐL trình ĐHĐCĐ	%	25%	20%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	-	5.500	

2. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT trong năm 2026

2.1. Mục tiêu

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Ổn định hoạt động SXKD điện và nước sạch trên cơ sở máy móc thiết bị hiện có, đảm bảo hoạt động SXKD chính của Công ty an toàn và hiệu quả.
- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp dần các hệ thống thiết bị Nhà máy điện.
- Tiếp tục tìm kiếm đầu tư dự án điện mặt trời và nâng cấp, mở rộng cung cấp nước sạch.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Chỉ đạo Ban điều hành Quản lý vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy điện, Nhà máy nước; quản lý, tiết kiệm chi phí.
- Tiếp tục chỉ đạo đánh giá tình trạng kỹ thuật của hệ thống thiết bị, công trình sau nhiều năm đi vào vận hành để xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, trang bị, thay thế và dự phòng.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai cải tạo sửa chữa Hệ thống điều khiển giám sát (DCS) Nhà máy điện theo kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục chỉ đạo theo dõi công tác quy hoạch dự án điện mặt trời, cập nhật đưa vào quy hoạch điện của tỉnh Đồng Nai.


2.3. Nhiệm vụ khác

- Tiếp tục theo dõi công tác bổ sung quy hoạch Nhà máy nước, tìm kiếm và đánh giá nhu cầu sử dụng nước sạch trong khu vực để có phương án đầu tư, cung cấp nước sạch phù hợp.

Năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chủ động, chỉ đạo, giám sát để hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chia sẻ của Quý Cổ đông và sự ủng hộ hợp tác của các đối tác để Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ngày càng phát triển.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận: 
- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Thịnh



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2024;

Căn cứ Kết quả kiểm tra giám sát quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO năm 2025.

Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”/“IDICO-SHP”) xin báo cáo Cổ đông kết quả hoạt động của BKS năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Nhân sự

Các thành viên BKS được bầu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2021, Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) với 03 thành viên sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Đoàn Hữu Nghĩa	Trưởng ban	24/4/2024	Thạc sĩ Tài chính
2	Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên	18/4/2023	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
3	Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên	12/5/2021	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân kế toán ứng dụng

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Đoàn Hữu Nghĩa	2/2	100%	100%	
2	Ông Vũ Tuấn Anh	2/2	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	2/2	100%	100%	

Năm 2025, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ để triển khai nhiệm vụ, gồm các nội dung:

- Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2024 của Công ty và thông qua kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty.

- Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty và triển khai kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2025 và năm 2025 của Công ty.

Các cuộc họp BKS được diễn ra theo đúng quy định tại Quy chế hoạt động BKS đã ban hành.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2025

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS được báo cáo, công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- Các thông tin, số liệu cụ thể được trình bày chi tiết trên Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2025. Quý cổ đông vui lòng xem cụ thể tại các Báo cáo này được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo đường dẫn: <https://idico-shp.vn/chuyen-muc/42.Quan-he-co-dong.html>.

- Chi phí hoạt động của BKS năm 2025: tuân thủ theo các quy định và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025

- Hoạt động của BKS tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Một số hoạt động trọng tâm của BKS trong năm 2025 như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban giám đốc (“BGĐ”) trong việc quản lý và điều hành Công ty. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, BGĐ Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện việc chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và

lập BCTC.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của BCTC, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế hoạt động của BKS.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

- Ban kiểm soát đã xem xét BCTC bán niên và cả năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và đồng ý với những đánh giá của Kiểm toán độc lập.

- Các BCTC được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Xét trên khía cạnh trọng yếu, BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty đến 31/12/2025.

- Giao dịch với các bên liên quan được kiểm tra chặt chẽ và được thuyết minh đầy đủ, không phát hiện bất thường trong các giao dịch.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2025

- HĐQT đã hoạch định chiến lược phát triển phù hợp với tình hình của Công ty và chỉ đạo tổ chức kinh doanh có hệ thống, bảo toàn và phát triển vốn góp của các Cổ đông.

- BGĐ và các phòng ban chức năng đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Về nhân sự, BGĐ tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của IDICO-SHP.

- Các bộ phận phòng ban tiếp tục kiện toàn hệ thống các quy chế, quy trình vận hành và nâng cao vai trò kiểm soát rủi ro ở tuyến đầu.

3. Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác và đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, BGĐ, cổ đông

- Trước những khó khăn thách thức trong năm 2025, HĐQT và BGĐ đã có sự thích ứng nhanh chóng, linh hoạt để đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hoàn thiện hệ thống các quy trình quản lý, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, ... tạo nền tảng cho sự phát triển của những năm tiếp theo. Các thành viên nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong công việc của HĐQT và BGĐ.

- Trong năm 2025, HĐQT và BGĐ đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ

đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty, đồng thời đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Trong năm 2025, Ban giám đốc Công ty đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban giám đốc đã nỗ lực trong công tác tổ chức và điều hành hoạt động SXKD của Công ty, đề tối ưu hóa doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BGD và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác. Trong năm 2025, BKS luôn tiếp thu các ý kiến của Cổ đông liên quan đến công tác quản lý của HĐQT và công tác điều hành của BGD.

4. Báo cáo đánh giá về các giao dịch với các bên liên quan

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó: không có.

- Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- HĐQT, BGD và quản lý các phòng ban tiếp tục phối hợp và cung cấp thông tin kịp thời để BKS tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

- BGD cần nâng cao vai trò kiểm soát và tự kiểm soát để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động; trong đó, tăng cường ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị, kiện toàn và nâng cao năng lực quản trị hệ thống.

- BGD cần quan tâm hơn nữa trong công tác quản lý rủi ro toàn Công ty (*thiết lập, triển khai, giám sát, đánh giá, quản lý rủi ro*) và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ để cải thiện và nâng cao hiệu quả của việc vận hành hệ thống quản lý Công ty và các quy trình quản lý rủi ro toàn Công ty.

- BGD có kế hoạch cụ thể để cập nhật thông tin mới nhằm cải thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ và triển khai tập huấn thường xuyên để người lao động nắm vững các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của cá nhân và đơn vị; nâng cao ý thức tuân thủ và đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- BGD cần tiếp tục kiểm tra tình hình thực trạng các công trình thủy công, an toàn đập, lòng hồ, ranh mốc tài sản, hệ thống quan trắc, đo đếm điện năng để có những đánh giá và các giải pháp kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách và Pháp luật Nhà nước về quản lý tài sản, tiền vốn có hiệu quả và quản lý chi tiêu đúng quy định hiện hành; Xác nhận, đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả đúng theo từng đối tượng, để có biện pháp thu hồi và xử lý kịp thời các khoản nợ khó đòi, mất khả năng thanh toán; sắp xếp, phân loại và đánh giá các khoản doanh thu, chi phí theo từng mảng hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2026

Định hướng hoạt động của BKS trong năm 2026 như sau:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn và hoàn thành mục tiêu của BKS đúng theo Quy chế hoạt động của BKS; hoàn thành các nhiệm vụ khác theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch.

- Thực hiện thẩm định BCTC bán niên và BCTC năm theo quy định, phối hợp với HĐQT, BGD để cải tiến, nâng cao hoạt động kiểm soát nội bộ của IDICO-SHP.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của các phòng ban trong IDICO-SHP và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động của BKS.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Đoàn Hữu Nghĩa

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với nội dung chính sau:

I	Bảng cân đối kế toán	
	Tổng tài sản	648.614.901.320 đồng
	Nợ phải trả	60.990.271.913 đồng
	Vốn chủ sở hữu	587.624.629.407 đồng
II	Kết quả hoạt động kinh doanh	
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	221.372.709.227 đồng
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.496.906.593 đồng
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.803 đồng/cổ phiếu

(Nội dung chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH, TCKT.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Thịnh



Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28



Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 9 ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn Long Bình 7, Xã Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Trương Thanh Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên không điều hành	
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên không điều hành	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên không điều hành	
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên không điều hành	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hữu Nghĩa	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Thanh Bình	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Thanh Bình.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Thanh Bình
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13689358/68634290/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Phạm Ninh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5631-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.128.457.990	90.803.489.374
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	14.981.650.057	8.953.395.095
111	1. Tiền		2.981.650.057	6.953.395.095
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		80.500.000.000	40.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	80.500.000.000	40.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.488.062.048	34.062.276.736
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	45.364.249.963	33.524.595.131
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		248.778.800	532.606.262
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		875.033.285	5.075.343
140	IV. Hàng tồn kho	7	7.973.802.076	7.738.928.654
141	1. Hàng tồn kho		7.973.802.076	7.738.928.654
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		184.943.809	48.888.889
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		65.824.889	48.888.889
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		119.118.920	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		498.486.443.330	542.469.859.725
220	I. Tài sản cố định		336.494.629.883	375.221.797.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	334.378.104.094	373.014.641.940
222	Nguyên giá		1.073.352.898.021	1.085.194.581.628
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(738.974.793.927)	(712.179.939.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.116.525.789	2.207.155.063
228	Nguyên giá		5.016.214.087	4.941.214.087
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.899.688.298)	(2.734.059.024)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.602.020.202	1.467.020.202
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.602.020.202	1.467.020.202
260	III. Tài sản dài hạn khác		160.389.793.245	165.781.042.520
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	160.060.984.791	165.224.242.371
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	328.808.454	556.800.149
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		648.614.901.320	633.273.349.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		60.990.271.913	37.776.123.420
310	I. Nợ ngắn hạn		60.990.271.913	37.776.123.420
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		212.452.051	157.019.656
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	13.503.519.515	11.162.634.947
314	3. Phải trả người lao động		3.430.549.864	1.201.000.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		173.537.180	758.800.349
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	6.137.605.969	5.474.213.879
320	6. Vay ngắn hạn	14	34.952.486.840	16.377.869.172
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	1.625.375.600	2.186.940.523
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	954.744.894	457.644.894
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		587.624.629.407	595.497.225.679
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	587.624.629.407	595.497.225.679
411	1. Vốn cổ phần		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.624.629.407	145.497.225.679
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		53.377.225.679	69.303.727.790
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		84.247.403.728	76.193.497.889
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		648.614.901.320	633.273.349.099

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2026


Trần Thị Mai
Người lập


Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	217.995.840.882	198.338.997.510
11	2. Giá vốn hàng bán	18	(96.840.108.607)	(91.785.166.251)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		121.155.732.275	106.553.831.259
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.863.444.541	972.608.964
22	5. Chi phí tài chính	19	(738.457.036)	(847.790.218)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(738.457.036)	(845.930.091)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(11.527.708.297)	(12.881.444.660)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.753.011.483	93.797.205.345
31	8. Thu nhập khác		513.423.804	581.184.182
32	9. Chi phí khác	21	(6.769.528.694)	-
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(6.256.104.890)	581.184.182
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.496.906.593	94.378.389.527
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(21.021.511.170)	(18.741.691.787)
52	13. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(227.991.695)	556.800.149
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		84.247.403.728	76.193.497.889
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	1.803	1.646
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	1.803	1.646

Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng

Trương Thanh Bình
Giám đốc



Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.496.906.593	94.378.389.527
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8. 9	32.088.076.311	32.108.016.175
03	Các khoản dự phòng		(561.564.923)	(2.013.059.477)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	1.860.127
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		3.860.012.558	(1.073.972.600)
06	Chi phí lãi vay	19	738.457.036	845.930.091
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		141.621.887.575	124.247.163.843
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(11.691.882.290)	28.955.398.547
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(234.873.422)	234.295.945
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		4.075.904.638	(559.264.239)
12	Giảm chi phí trả trước		5.163.257.580	5.163.257.580
14	Tiền lãi vay đã trả		(719.920.008)	(862.010.466)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(20.318.891.787)	(19.754.995.423)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	13	(1.622.900.000)	(2.843.942.779)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		116.272.582.286	134.579.903.008
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(952.991.931)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		583.000.000	111.500.000
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(96.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		55.500.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		1.991.196.939	983.879.158
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(38.878.794.992)	(38.904.620.842)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	14	61.781.357.575	43.437.457.051
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(43.206.739.907)	(58.210.192.345)
36	Cổ tức đã trả	16.4	(89.940.150.000)	(89.593.783.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(71.365.532.332)	(104.366.519.094)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		6.028.254.962	(8.691.236.928)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.953.395.095	17.646.492.150
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.860.127)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	14.981.650.057	8.953.395.095

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 9 ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn Long Bình 7, Xã Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 56 (31 tháng 12 năm 2024 là: 58).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế: chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Khác	20 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng đất lòng hồ theo Quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cho Công ty quản lý không thu tiền sử dụng đất với thời hạn phân bổ đến năm 2057.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được xác định dựa trên đơn giá tiền nước được thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai, cùng khối lượng nước tiêu thụ định kỳ.

Doanh thu khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.449.000	41.227.000
Tiền gửi ngân hàng	2.970.201.057	6.912.168.095
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	14.981.650.057	8.953.395.095

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một (1) năm và hưởng lãi suất thị trường.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện	44.456.003.789	32.722.823.800
Khác	908.246.174	801.771.331
TỔNG CỘNG	45.364.249.963	33.524.595.131

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	7.973.802.076	7.738.928.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây lâu năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	602.508.846.988	470.315.997.534	4.500.400.762	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.194.581.628
Mua mới	-	514.021.074	-	-	-	514.021.074
Thanh lý	(12.355.704.681)	-	-	-	-	(12.355.704.681)
Số cuối năm	590.153.142.307	470.830.018.608	4.500.400.762	1.036.598.651	6.832.737.693	1.073.352.898.021
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.261.892.647	99.582.063.572	4.176.977.262	750.669.287	-	109.771.602.768
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(292.878.187.995)	(411.465.254.788)	(4.365.640.968)	(914.048.945)	(2.556.806.992)	(712.179.939.688)
Khấu hao trong năm	(16.548.871.104)	(14.900.193.842)	(53.903.916)	(63.233.551)	(356.244.624)	(31.922.447.037)
Thanh lý	5.127.592.798	-	-	-	-	5.127.592.798
Số cuối năm	(304.299.466.301)	(426.365.448.630)	(4.419.544.884)	(977.282.496)	(2.913.051.616)	(738.974.793.927)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	309.630.658.993	58.850.742.746	134.759.794	122.549.706	4.275.930.701	373.014.641.940
Số cuối năm	285.853.676.006	44.464.569.978	80.855.878	59.316.155	3.919.686.077	334.378.104.094
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 14)</i>	3.178.364.907	32.592.606.048	-	-	-	35.770.970.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	3.005.563.951	1.935.650.136	4.941.214.087
Mua thêm	75.000.000	-	-	75.000.000
Số cuối năm	75.000.000	3.005.563.951	1.935.650.136	5.016.214.087
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(967.775.584)	(1.766.283.440)	(2.734.059.024)
Hao mòn trong năm	(8.736.558)	(60.111.756)	(96.780.960)	(165.629.274)
Số cuối năm	(8.736.558)	(1.027.887.340)	(1.863.064.400)	(2.899.688.298)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	2.037.788.367	169.366.696	2.207.155.063
Số cuối năm	66.263.442	1.977.676.611	72.585.736	2.116.525.789

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Quyền sử dụng đất lòng hồ	160.060.984.791	165.224.242.371	

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.841.691.787	21.021.511.170	(20.318.891.787)	9.544.311.170
Thuế tài nguyên	1.139.869.055	27.582.067.120	(27.249.288.575)	1.472.647.600
Thuế giá trị gia tăng	1.013.462.955	16.056.917.430	(14.821.829.246)	2.248.551.139
Thuế thu nhập cá nhân	167.611.150	827.806.359	(965.638.803)	29.778.706
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.960.180.900	(2.751.950.000)	208.230.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.075.475.771	(2.075.475.771)	-
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	11.162.634.947	70.526.958.750	(68.186.074.182)	13.503.519.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	3.097.691.132	2.466.069.436
Cổ tức phải trả	2.999.055.000	2.939.205.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	11.557.128	58.173.762
Khác	29.302.709	10.765.681
TỔNG CỘNG	6.137.605.969	5.474.213.879

13. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	457.644.894	802.587.673
Tăng trong năm	2.120.000.000	2.499.000.000
Sử dụng trong năm	(1.622.900.000)	(2.843.942.779)
Số cuối năm	954.744.894	457.644.894

14. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (*)	16.377.869.172	61.781.357.575	(43.206.739.907)	34.952.486.840

(*) Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	34.952.486.840	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2026 đến ngày 6 tháng 4 năm 2026	4,9 – 6,0	Một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng, bao gồm máy móc, thiết bị tổ máy 1, tổ máy 2 và căn trực thượng lưu (Thuyết minh số 8)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	1.625.375.600	2.186.940.523

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	450.000.000.000	161.802.727.790	611.802.727.790
Lợi nhuận thuần trong năm	-	76.193.497.889	76.193.497.889
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.860.000.000)	(1.860.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	(639.000.000)	(639.000.000)
Cổ tức	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	145.497.225.679	595.497.225.679
Năm nay			
Số đầu năm	450.000.000.000	145.497.225.679	595.497.225.679
Lợi nhuận thuần trong năm	-	84.247.403.728	84.247.403.728
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.520.000.000)	(1.520.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (*)	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Cổ tức (**)	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	137.624.629.407	587.624.629.407

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 1.520.000.000 VND và 600.000.000 VND.

(**) Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 90.000.000.000 VND, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết HĐQT số 09/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	23.299.000	51,78	23.299.000	51,78
Công ty TNHH Năng lượng REE	15.433.893	34,30	15.433.893	34,30
Các cổ đông khác	6.267.107	13,92	6.267.107	13,92
TỔNG CỘNG	45.000.000	100	45.000.000	100

16.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16.4 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	89.940.150.000	89.593.783.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	84.247.403.728	76.193.497.889
Điều chỉnh giảm do trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(3.127.422.112)	(2.120.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	81.119.981.616	74.073.497.889
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.803	1.646
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.803	1.646

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong năm 2024 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thưởng Ban quản lý từ lợi nhuận sau thuế của năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính này.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	209.083.766.481	189.209.291.452
Doanh thu bán nước sạch	8.026.256.219	8.452.296.967
Doanh thu khai thác vườn cây cao su	885.818.182	677.409.091
TỔNG CỘNG	217.995.840.882	198.338.997.510

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.861.154.881	972.608.964
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.289.660	-
TỔNG CỘNG	2.863.444.541	972.608.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	91.781.025.382	85.641.858.490
Giá vốn bán nước sạch	4.702.838.601	5.787.063.137
Giá vốn khai thác vườn cây cao su	356.244.624	356.244.624
TỔNG CỘNG	96.840.108.607	91.785.166.251

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	738.457.036	845.930.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.860.127
TỔNG CỘNG	738.457.036	847.790.218

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.237.004.649	8.917.805.547
Chi phí khấu hao	1.515.835.320	1.530.540.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.795.506	1.130.721.310
Chi phí khác	988.072.822	1.302.377.725
TỔNG CỘNG	11.527.708.297	12.881.444.660

21. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	6.721.167.439	-
Chi phí khác	48.361.255	-
TỔNG CỘNG	6.769.528.694	-

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản thuế, phí	41.598.883.287	33.681.228.575
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 8 và 9)	32.088.076.311	32.108.016.175
Chi phí nhân viên	22.382.365.807	25.169.674.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.425.260	3.839.647.795
Chi phí khác	8.915.066.239	9.868.043.392
TỔNG CỘNG	108.367.816.904	104.666.610.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.021.511.170	18.741.691.787
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	227.991.695	(556.800.149)
TỔNG CỘNG	21.249.502.865	18.184.891.638

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.496.906.593	94.378.389.527
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.099.381.318	18.875.677.907
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	(840.000.000)
Chi phí không được trừ	150.121.547	149.213.731
Chi phí thuế TNDN	21.249.502.865	18.184.891.638

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải trả	325.075.121	437.388.105	(112.312.984)	437.388.105
Chi phí trích trước	3.733.333	119.412.044	(115.678.711)	119.412.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	328.808.454	556.800.149		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			(227.991.695)	556.800.149

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT không điều hành (đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Trương Thanh Bình	Thành viên HĐQT (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Đoàn Hữu Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trương Thanh Bình	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Thúy	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty IDICO - CTPC	Cổ tức công bố	46.598.000.000	46.598.000.000
	Cổ tức đã trả	46.598.000.000	46.598.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ tức công bố	30.867.786.000	30.867.786.000
	Cổ tức đã trả	30.867.786.000	30.867.786.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý khác:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập của Hội đồng quản trị	848.000.000	858.000.000
Ông Nguyễn Văn Thịnh	264.000.000	258.000.000
Ông Nguyễn Phong Danh	146.000.000	162.000.000
Ông Mai Đình Nhật	146.000.000	162.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	146.000.000	91.200.000
Ông Trương Thanh Bình	105.600.000	-
Bà Trần Thùy Giang	40.400.000	162.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hoài	-	22.800.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	299.000.000	346.000.000
Ông Đoàn Hữu Nghĩa	115.000.000	76.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	92.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	92.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Đăng Thanh	-	54.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	2.206.289.164	2.291.363.639
Ông Trương Thanh Bình	886.773.028	575.000.000
Ông Bùi Hải Nam	694.706.362	745.454.545
Bà Vũ Thị Thúy	624.809.774	670.909.093
Ông Nguyễn Thanh Hoài	-	300.000.001
TỔNG CỘNG	3.353.289.164	3.495.363.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	397.063.065	58.451.409
Từ 1 đến 5 năm	1.985.315.325	292.257.045
Trên 5 năm	10.058.930.980	1.563.575.191
TỔNG CỘNG	12.441.309.370	1.914.283.645


26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2026




 Trần Thị Mai
Người lập



 Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



 Trương Thanh Bình
Giám đốc



TỜ TRÌNH
Về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ kiến nghị của Ban kiểm soát về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO tại cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 30/3/2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán có uy tín về chất lượng kiểm toán, có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, như sau:

1. Danh sách các Công ty kiểm toán:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Mã số DN: 0300811802)

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH PWC (Việt Nam) (Mã số DN: 0100157406)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH KPMG (Mã số DN: 0100112042)

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Mã số DN: 0100112500)

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH, TCKT.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Số: 15 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026/TH2025
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	251	234	93%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	728.792	733.120	101%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	221.373	209.600	95%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	105.497	101.208	96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	84.247	80.876	96%
6	Cổ tức/Vốn điều lệ	%	25%	20%	80%
7	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	0	5.500	

* Đối với công tác đầu tư: Giá trị đầu tư bố trí cho công việc chuẩn bị đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH, TCKT.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Thịnh

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	137.624.629.407
	- Tính đến cuối năm trước (năm 2024):	53.377.225.679
	- Năm nay:	84.247.403.728
II	Phân phối lợi nhuận năm 2025	
1	Trích quỹ	
	- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%/LNST) ⁽¹⁾ :	2.520.000.000
2	Chi trả cổ tức năm 2025 ⁽²⁾	
	- Bằng tiền (25%/ Vốn điều lệ):	112.500.000.000
	+ Đã tạm ứng (10%/ Vốn điều lệ):	45.000.000.000
	+ Số còn được chia (15% Vốn điều lệ):	67.500.000.000
III	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau:	22.604.629.407

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 22/4/2025:

⁽¹⁾ Kế hoạch trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2025 là: 3%/LNST.

⁽²⁾ Kế hoạch chia cổ tức năm 2025: bằng tiền 20%/Vốn điều lệ.

⁽³⁾ Kế hoạch trích Quỹ thưởng Ban quản lý năm 2025 là: 600.000.000 đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026
I	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	22.604.629.407
II	Lợi nhuận sau thuế năm nay	80.876.000.000
III	Phân phối lợi nhuận năm 2026	
1	Trích quỹ	
	- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3%/LNST năm 2026	2.420.000.000
2	Chi trả cổ tức năm 2026	
	- Chi cổ tức bằng tiền: 20%/Vốn điều lệ	90.000.000.000
IV	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	11.060.629.407

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2025, tạm ứng cổ tức (nếu có) năm 2026 cùng các công việc cần thiết có liên quan khác trong phạm vi kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH, TCKT.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thịnh

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng năm 2025:

Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là **1.147.000.000 đồng** (Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2025 là 1.175.000.000 đồng):

Trong đó:

- Hội đồng quản trị: 848.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát: 299.000.000 đồng.

2. Kế hoạch Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng năm 2026:

Kế hoạch Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026 (áp dụng từ tháng 01 đến hết tháng 12 năm 2026) là: **1.242.000.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị là: **943.000.000 đồng**. Mức chi từng thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát là: **299.000.000 đồng**. Mức chi từng thành viên do Ban kiểm soát quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo chi phí thực tế phát sinh và theo Quy định các khoản chi tiêu nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH, TCKT.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Thịnh

TỜ TRÌNH

**Về việc Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh
và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty").

Hiện nay,

- Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2025 ("Quyết định 36/2025/QĐ-TTg") đã thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, một số tên ngành nghề và mã ngành nghề hiện nay đã bị thay đổi theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg. Vì thế, Công ty phải thực hiện điều chỉnh một số ngành nghề theo quy định mới (xin xem Phụ đính 01 - Những nội dung điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO); và
- Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2025. Theo đó, một số điều khoản của Điều lệ hiện hành cần phải được thay đổi để phù hợp quy định pháp luật (xin xem Phụ đính 02 - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo “Phụ đính 01 - Những nội dung điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO” đính kèm.
2. Chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ Công ty theo “Phụ đính 02 - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO” đính kèm.
3. Chấp thuận dự thảo Điều lệ (được sửa đổi) của Công ty. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.
4. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Mục 1 của Tờ trình này, bao gồm điều chỉnh, bổ sung nội dung chi tiết của các ngành, nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo hướng dẫn của Cơ quan đăng ký doanh nghiệp và/hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, nếu có.
5. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty, và ký ban hành Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên.
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
CHƯƠNG III	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông	11
CHƯƠNG V	13
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
CHƯƠNG VI	14
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 12. Quyền của cổ đông	14
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	21
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
CHƯƠNG VII	31
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	40
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	40
CHƯƠNG VIII	41
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	41
Điều 34. Người điều hành Công ty	41
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	41
CHƯƠNG IX	42
BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	43
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	43
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	44

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	44
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	45
CHƯƠNG X	45
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	45
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	45
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	48
CHƯƠNG XI	49
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	49
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	49
CHƯƠNG XII	50
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	50
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	50
CHƯƠNG XIII	50
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	50
CHƯƠNG XIV	51
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	51
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	51
Điều 49. Năm tài chính	51
Điều 50. Chế độ kế toán.....	51
CHƯƠNG XV	52
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	52
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	52
CHƯƠNG XVI	52
KIỂM TOÁN CÔNG TY	52
Điều 53. Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVII	52
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	52

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	52
CHƯƠNG XVIII	53
GIẢI THẺ CÔNG TY	53
Điều 55. Giải thẻ công ty	53
Điều 56. Thanh lý.....	53
CHƯƠNG XIX	54
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
CHƯƠNG XX	54
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 58. Điều lệ công ty.....	54
CHƯƠNG XXI	55
NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	55

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“**Công ty**” hoặc “**IDICO-SHP**”) được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Điều lệ này cùng các quy định của Công ty, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sau khi được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 7 ngày 22/4/2026.

Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 22/4/2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 22/4/2026 (“**Điều lệ**”).

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - d. “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - e. “*Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
 - f. “*Nghị định số 245/2025/NĐ-CP*” là Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- g. “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - i. “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
 - j. “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
 - k. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - m. “*Cổ đông sáng lập*” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - n. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - o. “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;
 - p. “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (*Chương, Điều của Điều lệ này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên Công ty bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN SROK PHU MIENG IDICO**
 - b. Tên Công ty bằng Tiếng Anh: **IDICO SROK PHU MIENG**

HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

- c. Tên Công ty viết tắt: **IDICO - SHP**
2. IDICO-SHP là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ : Thôn Long Bình 7 - Xã Bình Tân - Tỉnh Đồng Nai
 - b. Điện thoại : 0271.3731 400
 - c. Fax : 0271.3731 092
 - d. Website : www.idico-shp.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 của Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật giữ chức vụ là Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật:
 - (i) Là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;
 - (ii) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Các quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).
 - b. Nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:
 - (i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
 - (ii) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - (iv) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân

đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại tiết (i), (ii) và (iii) điểm b khoản 2 Điều này.

- (v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</i>	3512
2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3513
3	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4	Trồng cây cao su	0125
5	Trồng cây lâu năm khác	0129
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Đào tạo Trưởng ca, công nhân vận hành nhà máy điện</i>	8559
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư.</i>	7110
8	Xây dựng nhà ở	4101
9	Xây dựng công trình điện	4221
10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng</i>	4329
12	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính <i>Chi tiết: Kinh doanh Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</i>	7740
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Mua, bán tín chỉ giảm phát thải khí nhà kính</i>	4679

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh tùy theo nhu cầu hoạt động và phù hợp quy định của pháp luật. Các điều chỉnh về ngành nghề kinh doanh (nếu phát sinh) sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty theo quy định của pháp luật và sẽ được cập nhật vào Điều lệ trong lần sửa đổi, bổ sung gần nhất.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; hoàn thành các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- c. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương;
- d. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề đã đăng ký như quy định tại Điều lệ này, và các ngành nghề đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh về điều chỉnh ngành nghề và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu pháp luật có yêu cầu. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 45.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND một cổ phần (10.000 VND/ cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì khoản 1 Điều này mặc nhiên được sửa đổi để ghi nhận Vốn điều lệ được điều chỉnh theo nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đó.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có

thẻ đăng kí mua. Số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán do Công ty phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc có thể lâu hơn tùy theo phương án phát hành), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần cổ phiếu trong chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và Công ty tiến hành cấp chứng nhận cổ phiếu mới tương ứng phần không chuyển nhượng.
5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại cho Công ty để tiêu hủy;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Những hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Công ty quy định tại Điều lệ này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp cổ đông bị chết, những người thừa kế của cổ đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của cổ đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc không xác định được người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của cổ đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.
4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:
 - a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
 - (i) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - (ii) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với

cổ phần loại khác, nếu Công ty không quy định và Cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

(iii) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự và thủ tục sau đây:

(iii-1) Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức đề bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

(iii-2) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đề bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công ty gửi thông báo về việc mua lại cổ phần cho Cổ đông. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

b. Việc Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình đã phát hành theo quy định tại điểm (a) khoản 1 nêu trên chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

(ii) Đáp ứng đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu;

(iii) Chỉ định công ty chứng khoán thực hiện giao dịch;

(iv) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

(v) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Chứng khoán.

c. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các tiết (i), (ii), (iii) và (iv) điểm (b) khoản 2 của Điều này trong các trường hợp: (i) mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại khoản 4 của Điều này và Điều 132 của Luật Doanh nghiệp, hoặc (ii) mua lại cổ phiếu của

người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty, hoặc (iii) mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- d. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.
2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì:
 - a. Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - b. Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.
3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
 - a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
 - b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 3 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác (không bao gồm cổ phần ưu đãi mà Công ty đã phát hành tùy mỗi thời điểm, mà theo quy định của pháp luật là bị hạn chế chuyển nhượng);
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này và Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý doanh nghiệp hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng từ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc

một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định khác của Công ty có liên quan.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm (a) khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ: họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c hoặc d khoản 3 Điều này.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu/ lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 9 Điều 43 của Điều lệ này nếu cổ đông hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông:
 - a. Tất cả các Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.

b. Ủy quyền của Cổ đông là tổ chức:

- (i) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản gửi đến Công ty trong thời hạn sớm nhất theo quy định của pháp luật. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân); Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).
- (ii) Tổ chức là cổ đông của Công ty mà sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.

c. Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân cũng phải được thực hiện bằng văn bản theo hình thức quy định của pháp luật. Nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải đảm bảo bao gồm các nội dung sau đây và theo quy định của pháp luật:

- (i) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc của cổ đông;
- (ii) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân);
- (iv) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);
- (v) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

- (vi) Họ, tên, chữ ký của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).
- d. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - (ii) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- b. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:
- (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp bổ nhiệm các chức danh này);
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên (sáu mươi lăm phần trăm) **65%** tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ (năm mươi một phần trăm) **51%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - b. Không bị ảnh hưởng bởi quy định tại Điều lệ này, đối với các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong việc biểu quyết, thu thẻ biểu quyết của cổ đông để tạo thuận lợi cho cổ đông.

- c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

kiểm soát;

- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính Công ty hàng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.
- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Các nghị quyết về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ Người quản lý doanh nghiệp của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này (trừ điểm (i) khoản này). Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu họp trực tiếp) hoặc danh sách cổ đông đăng ký dự họp được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến (nếu họp trực tuyến), văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên

có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - (i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - (i) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) điểm c khoản 4 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 9 Điều 43 của Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Kiến nghị ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;
 - s. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
 - t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức

thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để bàn và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng

quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện

theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.

4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh phù hợp với Công ty và theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Không được là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.
5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định, nghị quyết và quyết định do Hội đồng quản trị ban hành;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban

kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
8. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:
 - a. Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo quy định tại khoản 7 Điều này và có giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán

tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;

- c. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

9. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 7 Điều này và có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;
- c. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này (trừ trường hợp quy định tại điểm c, khoản 8 Điều này);
- d. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, (với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 9 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

10. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan, phù hợp theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
11. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành

vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty xem xét bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền

sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ

tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký

số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026.
2. Điều lệ được lập thành tám (08) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 24/4/2024.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Người đại diện pháp luật hoặc của tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty và đóng dấu của Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
GIÁM ĐỐC**

Trương Thanh Bình



PHỤ ĐÍNH 01
NHỮNG NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

1. Những nội dung điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

Điều, khoản tại Điều lệ	Nội dung ngành, nghề kinh doanh trước khi thay đổi	Nội dung ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi	Lý do điều chỉnh																																							
Điều 4 Khoản 1	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty																																								
	<table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>1</td><td>Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, <u>Nhiệt điện than</u>, <u>Nhiệt điện khí</u>, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Điện khác</u></i></td><td>3511</td></tr><tr><td>2</td><td>Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i></td><td>3512</td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td></tr><tr><td>...</td><td></td><td></td></tr><tr><td>11</td><td></td><td></td></tr></table>	STT	Tên ngành	Mã ngành	1	Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, <u>Nhiệt điện than</u>, <u>Nhiệt điện khí</u>, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Điện khác</u></i>	3511	2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3512	3			...			11			<table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr><tr><td>1</td><td>Sản xuất điện <u>từ nguồn năng lượng tái tạo (chính)</u> <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</u></i></td><td><u>3512</u></td></tr><tr><td>2</td><td>Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i></td><td><u>3513</u></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td></tr><tr><td>...</td><td></td><td></td></tr><tr><td>11</td><td></td><td></td></tr><tr><td>12</td><td>Cho thuê tài sản vô hình phi tài <u>chính</u> <i>Chi tiết: Kinh doanh <u>Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</u></i></td><td><u>7740</u></td></tr></table>	STT	Tên ngành	Mã ngành	1	Sản xuất điện <u>từ nguồn năng lượng tái tạo (chính)</u> <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</u></i>	<u>3512</u>	2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	<u>3513</u>	3			...			11			12	Cho thuê tài sản vô hình phi tài <u>chính</u> <i>Chi tiết: Kinh doanh <u>Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</u></i>	<u>7740</u>	<ul style="list-style-type: none">- Thay đổi mã ngành thành 3512: Sửa đổi nội dung các ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam.- Thay đổi mã ngành thành 3513: Sửa đổi nội dung các ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.- Từ STT 3 đến 11: Mã ngành giữ nguyên không thay đổi.- Bổ sung mã ngành 7740: Bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
	STT	Tên ngành	Mã ngành																																							
	1	Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, <u>Nhiệt điện than</u>, <u>Nhiệt điện khí</u>, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Điện khác</u></i>	3511																																							
	2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3512																																							
	3																																									
	...																																									
11																																										
STT	Tên ngành	Mã ngành																																								
1	Sản xuất điện <u>từ nguồn năng lượng tái tạo (chính)</u> <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, <u>Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</u></i>	<u>3512</u>																																								
2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	<u>3513</u>																																								
3																																										
...																																										
11																																										
12	Cho thuê tài sản vô hình phi tài <u>chính</u> <i>Chi tiết: Kinh doanh <u>Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</u></i>	<u>7740</u>																																								

Điều, khoản tại Điều lệ	Nội dung ngành, nghề kinh doanh trước khi thay đổi	Nội dung ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi			Lý do điều chỉnh
		<u>13</u>	<u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</u> <i>Chi tiết: Mua, bán tin chỉ giảm phát thải khí nhà kính</i>	<u>4679</u>	- Bổ sung mã ngành 4679: Bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh để tuân thủ quy định tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến ngành nghề và hoạt động của Công ty chưa được đề cập tại Mục 1 nêu trên hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những các nội dung này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh ngành nghề, hoạt động của Công ty.

PHỤ ĐÍNH 02
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>... Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024. Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 24/4/2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 24/4/2024 (“Điều lệ”).</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>... Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 7 ngày 22/4/2026. Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 22/4/2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 22/4/2026 (“Điều lệ”).</p>	
Điều 1 Khoản 1.	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p>	<p>- Cập nhật các văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>e. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f.</p> <p>g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty, theo Quyết định của HĐQT;</p> <p>h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>i. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều</p>	<p>e. “<u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</u>” là <u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán</u>;</p> <p>f. “<u>Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</u>” là <u>Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP</u>;</p> <p>g. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>h.</p> <p>i. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>j. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.</p> <p>k. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46</p>	<p>- Đề nghị sửa đổi để làm rõ nội dung này.</p> <p>- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, “chức danh quản lý khác” chỉ có giá trị pháp lý khi được quy định trong Điều lệ. Do Điều lệ năm 2024 chưa làm rõ nội dung này nên đề nghị bổ cụm từ này.</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)			DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG			Lý do sửa đổi, bổ sung
	STT	Tên ngành	Mã ngành	STT	Tên ngành	Mã ngành	
	1	Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Nhiệt điện than, Nhiệt điện khí, Điện gió, Điện mặt trời, Điện khác</i>	3511	1	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Điện gió, Điện mặt trời, Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác</i>	3512	- Thay đổi mã ngành: thành 3512 (theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ).
	2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3512	2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3513	- Thay đổi mã ngành: thành 3513 (theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ).
	3	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	3	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
	4	Trồng cây cao su	0125	4	Trồng cây cao su	0125	
	5	Trồng cây lâu năm khác	0129	5	Trồng cây lâu năm khác	0129	
	6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo Trường ca, công nhân vận hành nhà máy điện</i>	8559	6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo Trường ca, công nhân vận hành nhà máy điện</i>	8559	
	7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư.</i>	7110	7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư.</i>	7110	
	8	Xây dựng nhà ở	4101	8	Xây dựng nhà ở	4101	
	9	Xây dựng công trình điện	4221	9	Xây dựng công trình điện	4221	
	10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)			DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG			Lý do sửa đổi, bổ sung
	11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng</i>	4329	11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng</i>	4329	- Bổ sung mã ngành: 7740, 4679 (Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ).
				12	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính <i>Chi tiết: Kinh doanh Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC)</i>	7740	
				13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua, bán tin chỉ giám phát thải khí nhà kính</i>	4679	
			
Điều 10	Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông			Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông			Bỏ từ “phản đối” để phù hợp nội dung với khoản 1 Điều 132 Luật DN 2020
Khoản 3	3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: a. Cổ đông đã biểu quyết <u>phản đối</u> không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.			3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.			
Điều 12	Điều 12. Quyền của cổ đông			Điều 12. Quyền của cổ đông			Sửa đổi theo quy
Khoản 2	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội			2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội			

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>đồng cổ đông <u>khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý doanh nghiệp hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng từ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>định khoản 3, 4 Điều 115 Luật DN 2020 và khoản 18 Điều 1 Luật DN sửa đổi số 76/2025</p>
<p>Điều 14</p> <p>Khoản 4</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn</p>	<p>Nội dung tại điểm b khoản 4 Điều 14 đã theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật DN</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>30 ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí <u>hợp lý</u> cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
Điều 15 Khoản 4	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu/ lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này nếu cổ đông hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu/ lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d, e <u>khoản 9</u> Điều 43 của Điều lệ này nếu cổ đông hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc</p>	<p>Do thêm mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12</p>
Điều 20 Khoản 10	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp <u>số 59/2020/QH14</u> và khoản 3 Điều 273 Nghị định số <u>155/2020/NĐ-CP</u>.</p>	<p>Viết ngắn gọn theo thuật ngữ đã định nghĩa tại khoản 1 Điều 1.</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 21	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
Khoản 3	3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.	3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua <u>khi</u> được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự</u> và <u>biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.	
Khoản 4	4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.	4. Các nghị quyết <u>về các vấn đề khác</u> được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự</u> và <u>biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.	
Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
Khoản 4	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a. b. c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác.	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a. b. c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại</u> tối đa năm (05) công ty khác.	Sửa đổi theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Điều 26	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
Khoản 3	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng	3. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:</u>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 79

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 5	<p>số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	<p>a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Điều 27 Khoản 2	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và <u>khoản 9 Điều 43</u> của Điều lệ này;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, <u>bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó</u>; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm</p>	<p>- Do thân mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi để phù hợp quy định của Điều 18 Bộ luật lao động về thẩm quyền ký hợp đồng lao động</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. ... k. ... l. ... m. ... n. ... o. ... p. ... q. ...</p> <p>r. ...</p>	<p>dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. ... l. ... m. ... n. ... o. ... p. ... q. ... r. ...</p> <p>s. <u>Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</u></p> <p>t. ...</p>	<p>với phó giám đốc, kế toán trưởng (do người đại diện theo pháp luật ký).</p> <p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.</p>
Điều 30	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
Khoản 3	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>- IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
			137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.
Điều 35 Khoản 4	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</p> <p>a. <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>b. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh phù hợp với Công ty và theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c. <u>Không được là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người quản lý doanh nghiệp. Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.</u></p>	<p>- Quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 162 Luật DN.</p> <p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP; ghi rõ “người có liên quan là cá nhân” theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>
Điều 43	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	5.	5. 6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	- Bổ sung theo quy định tại khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
Khoản 6	6. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	7. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với <u>một trong các đối tượng</u> sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u> , Giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	- Sửa nội dung để phù hợp với điểm 4b khoản 84 Điều 1 NĐ 245/2025.
Khoản 7	7. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau: a. Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo quy định tại khoản 6 Điều này và có giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; b. ... c. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công	8. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau: a. Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo quy định tại <u>khoản 7</u> Điều này và có giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; b. ... c. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công	- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12. - Đề nghị sửa để phù hợp với quy định tại khoản 84

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 8	<p>ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).</p> <p>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP (sửa đổi khoản 3b, khoản 4a Điều 293 ND 155/2020/NĐ-CP).</p>
	<p>8. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 6 Điều này và có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>b. ...</p>	<p>9. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 7 Điều này và có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>b. ...</p>	<p>- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.</p> <p>- Bổ sung theo quy định của điểm b khoản 4 Điều 293 ND 155, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 ND 245/2025.</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>c. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Tổng giám đốc</u> (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>d. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p><u>e. Các giao dịch quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 8 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích</p>	<p>c. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này (<u>trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 8 Điều này</u>);</p> <p>d. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, <u>người quản lý khác</u> mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (<u>với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</u>).</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại <u>khoản 9</u> Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông</p>	<p>- Bổ sung để làm rõ.</p> <p>- Bổ sung để làm rõ.</p> <p>- Đề nghị xóa điểm e (các giao dịch tại điểm 4b Điều 293 NĐ 155 đã nêu ở khoản 9a Điều này)</p> <p>- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.</p>

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	
Khoản 9	<p>9. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>10. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan, <u>phù hợp theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</u></p>	
Khoản 10	10.	11.	- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.
Khoản 11	11.	12.	
Điều 58 Khoản 1	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ	Điều 59. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ	

Điều, khoản	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>đồng thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>đồng thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>22 tháng 4 năm 2026</u>.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty <u>và thay thế cho bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 24/4/2024.</u></p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc <u>của Người đại diện pháp luật hoặc của tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty và đóng dấu của Công ty.</u></p>	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 của Phụ đính này, Điều lệ mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (không làm thay đổi ý nghĩa).
3. Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.
4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

TỜ TRÌNH
**Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty
của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Điều lệ hiện hành (“Điều lệ”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Quy chế nội bộ về quản trị công ty”).

Hiện nay, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2025. Theo đó, một số điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành cần phải được thay đổi để phù hợp quy định pháp luật (*Xin xem Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO*).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty theo “*Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO*” đính kèm.
2. Phê duyệt dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (được sửa đổi) của Công ty. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành.

3. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty (được sửa đổi) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

Trân trọng
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	4
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.....	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.....	5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	12
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	12
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT ..	17
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	18
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	20
Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT	21
Điều 11. Các tiêu ban thuộc HĐQT	24
CHƯƠNG IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty	25
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.....	26
Điều 14. Thành phần Ban kiểm soát.....	26
Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 16. Cách thức bầu thành viên BKS, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.....	27
Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát	27
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS.....	27
CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 19. Giám đốc.....	28
Điều 20. Người điều hành khác	28
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC	29
Điều 21. Nguyên tắc làm việc	29
Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc.....	29
Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc.....	31

Điều 24 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS.....	32
CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ	32
Điều 25. Bổ sung, sửa đổi Quy chế	32
CHƯƠNG IX: NGÀY HIỆU LỰC	32
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	32

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHDCĐ ngày 22/4/2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan;

c. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan được nêu tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Các chữ viết tắt:

“Công ty” hay “IDICO-SHP”: là Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

“HĐQT” : Hội đồng quản trị.

“ĐHĐCĐ” : Đại hội đồng cổ đông.

“BKS” : Ban kiểm soát.

“Đại biểu” : Cổ đông có quyền biểu quyết, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

“UBCKNN” : Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

“HNX” : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

“VSDC” : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu:

a. “Quản trị Công ty” là hệ thống nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của IDICO-SHP.

b. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 7 ngày 22/4/2026;

d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;

đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;

e. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty. g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty, theo Quyết định của HĐQT.

h. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ hoặc được ĐHĐCĐ phê chuẩn hoặc theo quyết định của HĐQT.

3. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế nó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ:

Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

Công ty phải lập và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham gia dự họp ĐHĐCĐ. Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến HNX và VSDC thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông.

4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.idico-shp.vn) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

b. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu liên quan không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thì thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu

5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

a. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

b. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

d. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;
- (ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ;
- (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của IDICO.

b. Trường hợp IDICO-SHP áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, IDICO-SHP phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn Cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

c. Trước khi khai mạc cuộc họp, IDICO-SHP phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông như quy định trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký

cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội trực tiếp phải mang theo giấy tờ được quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Cổ đông tham gia.

d. Khi tiến hành đăng ký tham dự, IDICO-SHP cung cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó có các nội dung về số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc đăng ký tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc (**“Đại biểu đến muộn”**) có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành trực tiếp hoặc thông qua hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam khi có số cổ đông dự họp đại diện trên sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.a Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.b Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:

- (i) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ IDICO-SHP;
- (ii) Định hướng phát triển IDICO-SHP;
- (iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

- (v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của IDICO-SHP;
- (vi) Thông qua báo cáo tài chính Công ty hằng năm;
- (vii) Tổ chức lại, giải thể IDICO;
- (viii) Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ.

c. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 22 Điều lệ, trừ các vấn đề phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu trực tiếp:

a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Các hình thức biểu quyết:

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ với hình thức phù hợp với diễn biến phiên họp, cụ thể:

- (i) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: các nội dung biểu quyết chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng mà mình lựa chọn (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) có sẵn trên Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Sau đó, Cổ đông, đại diện theo ủy quyền (Đại biểu) bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu đặt tại nơi bỏ phiếu.
- (ii) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết (thẻ Tán thành, Không tán thành, hoặc không có ý kiến) tại ĐHĐCĐ để biểu quyết theo từng nội dung cụ thể.
Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung biểu quyết sẽ được thông báo kết quả tại Đại hội.
- (iii) Cách thức bỏ phiếu của hình thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu trực tiếp:

a. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Các tình trạng “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng. Đối với trường hợp bỏ phiếu trực tuyến, Ban kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại

khoản 9 Điều 6 của Quy chế này. Phiếu biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

b. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: được tiến hành bằng cách thu Thẻ biểu quyết tán thành trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số Thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Thẻ biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

c. Đối với phương thức bầu dồn phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Đại biểu.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi Đại biểu cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty.

- Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b. Các nghị quyết về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 12 Điều này; các khoản 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty

c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và quy chế bầu cử IDICO-SHP.

d. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

đ. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu về từng nội dung cho Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

c. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

d. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ.

đ. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu họp trực tiếp) hoặc danh sách cổ đông đăng ký dự họp được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến (nếu họp trực tuyến), văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến:

Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ như quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

a. Điều kiện tham gia họp ĐHĐCĐ:

- (i) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
- (ii) Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đủ điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ.

b. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (bao gồm nhưng không giới hạn máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).

c. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

d. Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống tham dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc ("**Đại biểu đến muộn**") có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đối với các vấn đề chưa được biểu quyết. Hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự ĐHĐCĐ không thay đổi.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập khác do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin, việc quản lý, sử dụng các thông tin đã đăng ký, đã được cung cấp này.

b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được gửi đến địa chỉ email hoặc số điện thoại được ghi nhận tại thông tin Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ do Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.

c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Cổ đông thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

b. Ngoài các quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, Cổ đông phải cung cấp đầy đủ thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email của người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và thông tin khác theo yêu cầu của IDICO-SHP. Đây là cơ sở để Công ty cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông.

c. Hiệu lực của việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn toàn bộ các điều kiện sau:

- (i) Cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thủ tục ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định của Điều này;
- (ii) Cổ đông gửi bản chính Giấy ủy quyền đã điền đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều này, đã có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền đến IDICO-SHP theo địa chỉ do IDICO-SHP thông báo;
- (iii) IDICO-SHP nhận được Giấy ủy quyền bản chính trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

d. Hủy bỏ, chấm dứt việc ủy quyền dự họp và biểu quyết ĐHĐCĐ trực tuyến: Trong trường hợp Cổ đông chấm dứt việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông phải gửi văn bản chính thức về việc chấm dứt Giấy ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến cho IDICO-SHP trước thời điểm Đại hội khai mạc chính thức.

Mọi vấn đề, nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được đại diện ủy quyền tiến hành bỏ phiếu biểu quyết sẽ vẫn có hiệu lực nếu IDICO-SHP nhận được văn bản chính thức về việc hủy bỏ, chấm dứt Giấy ủy quyền sau thời điểm biểu quyết.

5. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này.

6. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Nguyên tắc:

- (i) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ;
- (ii) Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- (iii) Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Đại hội;
- (iv) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- (i) Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- (ii) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được IDICO-SHP trả lời sau.

7. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCD trực tuyến:

ĐHĐCD trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

8. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- (i) Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCD đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- (ii) Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- (i) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” và ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” đối với mỗi ứng cử viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- (ii) Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại điểm a khoản 8 Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- (i) Trường hợp Đại biểu không thực hiện biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp ĐHĐCD thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- (ii) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình họp ĐHĐCD đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- (iii) Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình họp ĐHĐCD. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của ĐHĐCD.
- (iv) Trong trường hợp Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ



hơn) tổng số phiếu bầu do Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- (v) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại Đại hội. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

a. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với bầu dồn phiếu thì cách thức kiểm phiếu được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc quy định tại điểm b (i) khoản 8 Điều 6 Quy chế này.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến:

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận trên hệ thống như quy định tại khoản 9 Điều 6 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty.

b. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố Nghị quyết họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

13. Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến:

Trường hợp IDICO-SHP tổ chức họp ĐHĐCĐ nhằm thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết được thực hiện như sau:

a. Thủ tục thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này;

b. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quy chế này;

c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 và khoản 4 Điều 6 Quy chế này;

d. Điều kiện tiến hành: thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này;

e. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 Quy chế này;

f. Cách thức bỏ phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 8 Điều 6 Quy chế này;

g. Cách thức kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 9 Điều 6 Quy chế này;

h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 và khoản 10 Điều 6 Quy chế này;

i. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 và khoản 11 Điều 6 Quy chế này;

k. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Thành viên HĐQT có quyền như sau:

a. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ;

b. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty (sau đây gọi chung là “Người quản lý Công ty”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT đó và tuân thủ trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Công ty.

5. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của IDICO-SHP;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất của HĐQT về các giao dịch giữa IDICO-SHP, công ty con của IDICO-SHP, công ty do IDICO-SHP nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa IDICO-SHP với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của IDICO-SHP theo quy định của pháp luật;

f. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP trong từng thời kỳ;

g. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác của thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT

a. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.

b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- (i) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- (ii) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- (iii) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

- Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHCĐ.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Doanh nghiệp,

Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT:

Cách thức bầu thành viên HĐQT: việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT:

a. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty;
- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (iii) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- (i) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (ii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

c. Bổ sung thành viên HĐQT:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 của Điều lệ.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định của pháp luật.

7. Cách thức giới thiệu, đề cử ứng viên thành viên HĐQT:

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
- g. Các thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

- Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.

b. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng

một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

b. HĐQT phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:

- a. Có đề nghị của BKS;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

- Đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Trong trường hợp này Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

3. Thông báo mời họp HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, quyết định và kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

c. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS:

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

b. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp.

b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

c. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên HĐQT tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

d. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều này;
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ.

d. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

e. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

6. Cách thức biểu quyết:

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Trường hợp biểu quyết việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, người có liên quan của họ hoặc doanh nghiệp mà thành viên HĐQT phải kê khai theo khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, thì áp dụng theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty và Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

7. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT:

a. HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số (quá bán) thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT,

b. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (quá bán) thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Đối với cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT: các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

d. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

8. Lập biên bản họp HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp phải ghi rõ việc chủ tọa và hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa và/ hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và pháp luật có liên quan. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan trong nội bộ Công ty và công bố thông tin cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, IDICO-SHP có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ và cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

1. BKS là cơ quan thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của BKS thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên BKS (Kiểm soát viên) thực hiện theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp

Điều 14. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên BKS:

- Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) người.
- Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS:

Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

- a. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- b. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên BKS, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. Cách thức bầu thành viên BKS:

Cách thức bầu thành viên BKS: việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.

2. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

b. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 19. Giám đốc

1. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

a. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và phải báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ khi được yêu cầu

b. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:

- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.

- Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4, Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc:

HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Việc bổ nhiệm Giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế về công tác cán bộ của Công ty. Việc thuê Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin trong nội bộ Công ty, công bố thông tin trên website Công ty và cho các cơ quan liên quan theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:

a. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc do HĐQT quyết định.

b. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Người điều hành khác

1. Việc bổ nhiệm người điều hành khác:

- Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Ký hợp đồng lao động với người điều hành khác:

Công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động với người điều hành khác theo quy định của pháp luật lao động.

3. Miễn nhiệm người điều hành khác:

Người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành khác:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành khác của Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

5. Tiền lương của người điều hành khác:

- Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người điều hành khác do HĐQT quyết định.

- Tiền lương của người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 21. Nguyên tắc làm việc

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, sự phát triển của Công ty.

Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý

kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d. Các nội dung khác cần ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm và các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc:

a. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty để thực hiện các hợp đồng, giao dịch mà thành viên HĐQT có lợi ích liên quan. HĐQT không được tiết lộ các thông tin được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty cho bất kỳ bên thứ ba nào.

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d. HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc Giám đốc thực hiện hoàn thành

hoặc không hoàn thành nghị quyết, quyết định của HĐQT và các vấn đề được HĐQT giao, ủy quyền khác.

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty:

Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ, các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- đ. Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- g. Những tài liệu liên quan khác.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc:

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm và các vấn đề cần được làm rõ;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT, Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các

giao dịch có liên quan.

Điều 24 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS

1. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT:

- a. Giám đốc là người thay mặt điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
- b. Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
- c. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- d. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nhiều người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý do HĐQT phê chuẩn;
- đ. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

2. Việc phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và BKS:

Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ

Điều 25. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 09 Chương 26 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Người đại diện theo pháp luật hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT của Công ty và đóng dấu của Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thịnh

33

PHỤ ĐÍNH
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty ("**Quy chế**") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO ("**Công ty**" hoặc "**IDICO-SHP**"), gồm:

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024,</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miềng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026,</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020.</p>
Điều 2 Khoản 2	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu:</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu:</p>	

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>c. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024;</p> <p>d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>e. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>k. “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo được các điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập của công ty cổ phần được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>c. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 7 ngày 22/4/2026;</p> <p>d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>e. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.</p>	<p>- Sửa đổi để làm rõ.</p> <p>- Cập nhật văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Cập nhật văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán.</p> <p>- Sửa đổi bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>- Đề nghị xóa bỏ điểm k khoản 2 Điều 2 Quy chế này (IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên</p>

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung <i>độc lập HĐQT).</i>
Điều 4 Khoản 4	<p>Điều 4.</p> <p>4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.idico-shp.com.vn) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>Điều 4.</p> <p>4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.idico-shp.vn) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	Sửa đổi địa chỉ website theo điểm d khoản 3 Điều 2 dự thảo Điều lệ Công ty.
Điều 4 Khoản 5	<p>Điều 4.</p> <p>5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc <u>Giấy chứng minh nhân dân</u> hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 4.</p> <p>5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Đề nghị xóa bỏ cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân”.
Điều 4	Điều 4.	Điều 4.	

500407
CÔNG TY
PHẦN THUY
ĐK PHU MIẾ
IDICO
CÔNG NI

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 11	<p>11. Cách thức kiểm phiếu trực tiếp:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. <u>Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Đại biểu có yêu cầu, IDICO-SHP phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</u></p>	<p>11. Cách thức kiểm phiếu trực tiếp:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p>	<p>Đề nghị xóa bỏ điểm d khoản 11 Điều 4 Quy chế này.</p>
Điều 4 Khoản 12	<p>Điều 4.</p> <p>12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>[...]</p> <p>b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 12 Điều này; các khoản 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và quy chế bầu cử IDICO-SHP.</p>	<p>Điều 4.</p> <p>12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:</p> <p>a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua <u>khi</u> được số cổ đông đại diện từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>[...]</p> <p>b. Các nghị quyết về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 12 Điều này; các khoản 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty</p> <p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT <u>hoặc thành viên BKS</u> được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và quy chế bầu cử IDICO-SHP.</p>	<p>- Bổ sung để làm rõ.</p> <p>- Bổ sung cho đầy đủ.</p>
Điều 8	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1	1. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT c. Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.	1. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT c. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:</u> (i). <u>Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u> (ii). <u>Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> (iii). <u>Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u>	- Sửa đổi theo quy định tại khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Khoản 5	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: a. ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ và Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: a. ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty;	
Điều 10 Khoản 2	Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT 2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường: a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT; b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT. [...]	Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT 2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường: a. Có đề nghị của BKS; b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT. [...]	- Sửa đổi theo khoản 3 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.
Khoản 8	8. Lập biên bản họp HĐQT e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;	8. Lập biên bản họp HĐQT e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);	- Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.

Điều, khoản	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 19 Khoản 2	Điều 19. Giám đốc 2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: - Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt. - Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	Điều 19. Giám đốc 2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: - Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt. - Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty</u> .	Sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.
Điều 26 Khoản 1	Điều 26. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế này gồm 09 Chương 26 Điều được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	Điều 26. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế này gồm 09 Chương 26 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>22 tháng 4 năm 2026</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	Bổ sung để làm rõ
Khoản 2	2. Quy chế này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.	2. Quy chế này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày <u>24 tháng 4 năm 2024</u> .	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 của Phụ đính này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).

3. Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

TỜ TRÌNH

**Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty");

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Quy chế hoạt động HĐQT").

Hiện nay, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2025. Theo đó, một số điều khoản của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành cần phải được thay đổi để phù hợp quy định pháp luật (Xin xem Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các nội dung sau:

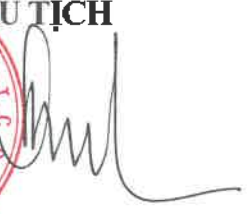

1. Chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty theo "Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO" đính kèm.
2. Chấp thuận dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (được sửa đổi). Quy chế hoạt động HĐQT này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động HĐQT hiện hành.

3. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế hoạt động HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

Trân trọng
TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	15
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	15
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	16
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc	17
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	18

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

18

Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	18
---------------------------------	----

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa IDICO-SHP, công ty con, công ty khác do IDICO-SHP nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa IDICO-SHP với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

f. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP trong từng thời kỳ;

g. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác của thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty (sau đây gọi chung là “**Người quản lý**”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó và tuân thủ quy trình yêu cầu cung cấp thông tin như quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi nội dung yêu cầu cung cấp thông tin cho

Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ các nội dung thông tin tài liệu cần cung cấp;

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua, thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu phải lập yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản gửi đến Người quản lý có liên quan. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ thông tin, tài liệu được yêu cầu, lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp;

- Người quản lý có liên quan sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;

d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để bàn và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt

Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp

sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử

viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền theo quy định của Điều lệ công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 9 Điều 43 của Điều lệ Công ty;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r. Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công

ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s. Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty; Quy chế tài chính của Công ty;

t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;

u. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết/ được lấy ý kiến bằng văn bản tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi

trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Văn bản yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận

được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội

đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến

giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được

thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích

liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó.

2. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Giám đốc phải tiếp tục thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

4. Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho Hội đồng quản trị theo quy định như sau:

- Báo cáo quý: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp định kỳ hằng quý.
- Báo cáo năm: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Giám đốc cùng các bộ phận có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d. Các nội dung khác cần ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thịnh



PHỤ ĐÍNH
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (“Quy chế”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Phần căn cứ	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 24/4/2024.</p>	<p><u>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/OH15 ngày 29/11/2024;</u></p> <p><u>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/OH15 ngày 17/6/2025;</u></p> <p><u>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p><u>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p> <p><u>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p><u>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;</u></p> <p><u>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 22/4/2026.</u></p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020.</p>
Điều 3, khoản 2	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p>	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p>	

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	c. ... d. ... đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.	c. ... d. ... e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật. f. <u>Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP trong từng thời kỳ;</u> g. <u>Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác của thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.</u>	Bổ sung để thống nhất nội dung với khoản 5 Điều 7 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
Điều 5, khoản 1	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị <u>phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u>	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị <u>của Công ty phải đảm bảo có số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.</u>	- Sửa đổi để thống nhất "số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" theo khoản 3 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.
Điều 6	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. ... c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>có thể</u> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>của</u> tối đa năm (05) công ty khác; d. ...	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không thuộc đối tượng <u>không được quản lý doanh nghiệp</u> theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. ... c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>chỉ được</u> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên tại</u> tối đa năm (05) công ty khác; d. ...	- Sửa đổi để thống nhất với khoản 4 Điều 25 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.
Điều 8, khoản 1	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty;</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p>	<p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty;</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p>	- Sửa đổi để thống nhất với điểm a khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.
Điều 9, khoản 1, khoản 3	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa <u>ba (03)</u> ứng viên; từ 50% trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa <u>bốn (04)</u> ứng viên; từ 50% trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí <u>quy định tại</u> quy chế bầu cử.</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.</p>
Điều 11,	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

040
CÔNG T
AN THU
PHU MI
IDICO
ÔNG N

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
khoản 2	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>đ. ...</p> <p>e. ...</p> <p>g. ...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, <u>Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định</u>; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. ...</p> <p>l. ...</p> <p>m. ...</p> <p>n. ...</p> <p>o. ...</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>đ. ...</p> <p>e. ...</p> <p>g. ...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và <u>khoản 9 Điều 43</u> của Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, <u>bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó</u>. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. ...</p> <p>l. ...</p> <p>m. ...</p> <p>n. ...</p> <p>o. ...</p>	<p>- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.</p> <p>- Sửa đổi để thống nhất với điểm i khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>p. ... q. ... r. ... s. ... t. ...</p> <p>u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>p. ... q. ... r. ... s. ... t. ...</p> <p>u. <u>Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</u></p> <p>v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 81 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP.</p>
Điều 11, khoản 5	<p>Điều 11. 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Điều 11. 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 82 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP.</p>
Điều 12, khoản 1, khoản 3	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; b. ... c. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức</p>	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: a. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u>, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; b. ... c. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức</p>	<p>- Bổ sung theo điểm b khoản 7 và điểm a khoản 8 Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>- Bổ sung theo quy định tại khoản 84 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-</p>



Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. ...	đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (với điều kiện tổ chức là người có liên quan đó không phải là cổ đông của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP). ...	CP.
Điều 13, khoản 2	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>- Đề nghị xóa bỏ “theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp” do nội dung chi tiết tại điểm b khoản 2 Điều 13 này đã theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung để làm rõ.</p>

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
		d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.	- Bổ sung để làm rõ.
Điều 16, khoản 1	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>đ. ...</p> <p>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. ...</p> <p>h. ...</p> <p>i. ...</p> <p>...</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>đ. ...</p> <p>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (<u>nếu có</u>);</p> <p>g. ...</p> <p>h. ...</p> <p>i. ...</p> <p>...</p>	Bổ sung để làm rõ.
Điều 21, khoản 1	<p>Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc</p> <p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và <u>người quản lý khác</u> của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của <u>những người quản lý đó</u>.</p>	<p>Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc</p> <p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, <u>chấm dứt hợp đồng</u> đối với Giám đốc, bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc. <u>Kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó.</u></p>	- Sửa đổi bổ sung theo điểm i khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 23, khoản 1	<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2024</u> nhất trí thông qua ngày <u>24 tháng 4 năm 2024</u>. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm <u>2021</u>.</p>	<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2026</u> nhất trí thông qua ngày <u>22 tháng 4 năm 2026</u>. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo <u>Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024</u>.</p>	

- Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại mục 1 của Phụ đính này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).
- Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
- Trong trường hợp Điều lệ, những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
Số 24 /TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Điều lệ hiện hành ("Điều lệ") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty");

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Quy chế hoạt động BKS").

Hiện nay, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2025. Theo đó, một số điều khoản của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành cần phải được thay đổi để phù hợp quy định pháp luật (Xin xem Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty theo "Phụ đính - Những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO" đính kèm.
2. Chấp thuận dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (được sửa đổi). Quy chế hoạt động BKS này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động BKS hiện hành.

1/

3. Giao Trưởng Ban kiểm soát của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế hoạt động BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: Hồ sơ, TH.



Đoàn Hữu Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	8
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	10
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	11

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

3. Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều lệ Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể; các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định tại khoản 2 Điều 38 như sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát, việc đề cử, ứng cử thành viên vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp,

bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp, Điều 5 của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 điều 14 Điều lệ công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền dự họp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Ban kiểm soát có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Ban kiểm soát không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Ban kiểm soát liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 10 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản chi tiết và rõ ràng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thời gian, địa điểm họp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- HDQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, TH.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đoàn Hữu Nghĩa

PHỤ ĐÍNH
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (“Quy chế”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Phần căn cứ	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024,</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 22/4/2026;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2026,</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật mới sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 245/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020</p>
Điều 9	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên	

Điều, khoản	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 24/4/2024)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1	Ban kiểm soát 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Ban kiểm soát 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp, <u>Điều 5 của Quy chế này và Điều lệ Công ty.</u> b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty.
Điều 14 Khoản 1	Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. a. ... b. ... c. ... d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. a. ... b. ... c. ... d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b <u>khoản 10 Điều 43 Điều lệ Công ty</u> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	- Do thêm mới khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty nên các khoản từ 6 -> 11 của Điều 43 của Điều lệ năm 2024 sẽ được sửa lại thành các khoản từ 7 -> 12.
Điều 22 Khoản 1	Điều 22. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế này gồm 07 Chương 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021.	Điều 22. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế này gồm 07 Chương 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua <u>ngày 22 tháng 4 năm 2026</u> . Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ <u>ngày 24 tháng 4 năm 2024</u> .	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại mục 1 của Phụ đính này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).
 3. Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.
 4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
 5. Trong trường hợp Điều lệ, những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
-

